

Số: 57/2025/QĐST - HNGĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213, 361 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 434/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Ông Nguyễn Thái B, sinh năm: 1974; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: G12 Đường số H, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là G12 Đường số H, ấp P, xã P, tỉnh Tây Ninh); nơi ở hiện tại: Số I đường P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

Và bà Vũ Thị Thanh H, sinh năm: 1978; Địa chỉ: D K, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số D K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thái B và bà Vũ Thị Thanh H chung sống với nhau từ năm 2006 trên cơ sở cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01/2006 ngày 13 tháng 3 năm 2006 nên xác định quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà H là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Theo ông B và bà H thì sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại nhiều nơi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống vợ chồng khá hạnh phúc, nhưng chỉ được một thời gian thì đến năm 2010 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống về cách nuôi dạy con cái; bên cạnh đó các bên còn không tìm được tiếng nói chung về niềm tin tôn giáo, dẫn đến căng thẳng kéo dài, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quan hệ vợ chồng. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 và kể từ thời điểm đó vợ chồng bỏ mặc không còn quan tâm đến nhau. Nay cả hai đều

xác định không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông B và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc duy trì hôn nhân giữa hai người chỉ còn trên danh nghĩa và hai bên thật sự tự nguyện ly hôn, vì vậy Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông B và bà H.

[2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống ông Nguyễn Thái B và bà Vũ Thị Thanh H có 01 người con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày: 18/11/2007. Hai bên thỏa thuận giao cháu Minh K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Nhận thấy việc hai bên đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận thỏa thuận này của các đương sự.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, mặc dù Tòa án đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con nhưng bà H không yêu cầu. Xét thấy bà H có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng và việc bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết trong việc dân sự này; nếu sau này một trong các bên có tranh chấp về cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[4] Đối với việc nuôi con chung sau khi ly hôn: Nếu ông B có đủ căn cứ cho rằng bà H không còn đủ điều kiện nuôi con hoặc ngược đãi con chung, thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thái B và bà Vũ Thị Thanh H xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng không có tài sản chung.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Ông Nguyễn Thái B và bà Vũ Thị Thanh H xác nhận vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[7] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Thái B và bà Vũ Thị Thanh H mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thái B và bà Vũ Thị Thanh H thuận tình ly hôn.
- Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Thái B và bà Vũ Thị Thanh H thỏa thuận giao con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày: 18/11/2007 cho bà Vũ Thị Thanh H trực

tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị Thanh H tạm thời chưa yêu cầu ông Nguyễn Thái B cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông B được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thái B và bà Vũ Thị Thanh H xác định không có tài sản chung.

- Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Ông Nguyễn Thái B và bà Vũ Thị Thanh H xác nhận không có công nợ chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng, cụ thể ông Nguyễn Thái B và bà Vũ Thị Thanh H mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng ông B và bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số 0080821 ngày 21 tháng 5 năm 2025 do Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh lập. Ông B và bà H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 4 – TP HCM;
- UBND phường CK,
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Chính